

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa được lập ngày 19 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 |



Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		245.244.847.806	208.077.443.698
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	15.464.082.938	31.914.222.473
111	1. Tiền		15.464.082.938	31.914.222.473
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	46.000.000.000	42.481.530.372
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.000.000.000	42.481.530.372
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.050.272.289	68.443.396.688
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	49.818.123.130	62.695.000.408
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	870.892.000	370.005.751
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.930.102.252	6.922.233.110
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.627.809.720)	(1.585.755.120)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		58.964.627	41.912.539
140	IV. Hàng tồn kho	09	123.055.687.585	62.946.679.149
141	1. Hàng tồn kho		123.055.687.585	63.331.114.603
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(384.435.454)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.674.804.994	2.291.615.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	282.764.007	1.156.394.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.392.040.987	1.135.220.810
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		219.749.817.819	244.711.864.770
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.011.000.000	11.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	1.011.000.000	11.000.000
220	II. Tài sản cố định		82.814.807.235	78.367.145.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	55.108.821.826	50.446.763.328
222	- Nguyên giá		115.030.498.102	105.150.620.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.921.676.276)	(54.703.857.019)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	27.705.985.409	27.920.381.765
228	- Nguyên giá		32.441.939.975	32.441.939.975
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.735.954.566)	(4.521.558.210)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	191.338.589	216.850.421
231	- Nguyên giá		739.785.948	739.785.948
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(548.447.359)	(522.935.527)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	22.139.387.090	40.020.495.487
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		22.139.387.090	40.020.495.487
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	28.800.265.929	39.675.865.787
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		28.180.000.000	38.980.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.093.175.000	2.093.175.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.472.909.071)	(1.397.309.213)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

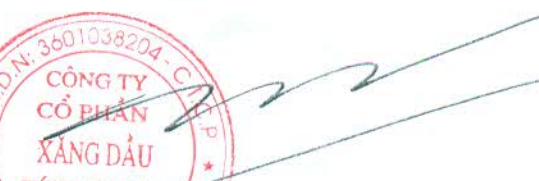
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
260	VI. Tài sản dài hạn khác		84.793.018.976	86.420.507.982
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	84.793.018.976	86.420.507.982
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>464.994.665.625</u>	<u>452.789.308.468</u>
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		202.649.450.725	165.674.395.140
310	I. Nợ ngắn hạn		189.996.250.725	153.198.711.140
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.558.675.306	38.259.046.482
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	871.343.983	1.058.036.145
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.191.045.653	1.137.969.168
314	4. Phải trả người lao động		3.416.000.000	2.273.397.524
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	83.333.333	83.333.328
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.853.041.889	673.534.577
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	178.571.144.745	108.944.712.434
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		451.665.816	768.681.482
330	II. Nợ dài hạn		12.653.200.000	12.475.684.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	2.276.200.000	2.098.684.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	10.377.000.000	10.377.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		262.345.214.900	287.114.913.328
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	262.345.214.900	287.114.913.328
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		213.437.600.000	213.437.600.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		213.437.600.000	213.437.600.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		40.910.144.852	40.910.144.852
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.000.000.000	6.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.997.470.048	26.767.168.476
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.997.470.048	26.767.168.476
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>464.994.665.625</u>	<u>452.789.308.468</u>


Phạm Đình Quang Duy
Người lập


Trần Thị Quỳnh Tâm
Kế toán trưởng




Trần Thanh Tùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.046.537.652.941	2.948.902.943.228
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.046.537.652.941	2.948.902.943.228
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.957.337.139.058	2.825.096.418.454
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.200.513.883	123.806.524.774
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	5.069.953.463	8.071.844.373
22	7. Chi phí tài chính	27	9.128.825.697	7.179.370.212
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.053.225.839	7.178.699.390
25	8. Chi phí bán hàng	28	68.597.376.938	71.730.640.148
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	23.488.411.047	20.066.557.576
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.944.146.336)	32.901.801.211
31	11. Thu nhập khác	30	10.513.641.961	202.058.598
32	12. Chi phí khác	31	537.165.958	-
40	13. Lợi nhuận khác		9.976.476.003	202.058.598
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.032.329.667	33.103.859.809
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	1.034.859.619	6.336.691.333
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.997.470.048</u>	<u>26.767.168.476</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	94	1.200

Phạm Đình Quang Duy
Người lập

Trần Thị Quỳnh Tâm
Kế toán trưởng

Trần Thanh Tùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2021

